

CHỦ ĐỀ 12: TRUNG THU

BÀI 1: ANG ẪNG ÂNG (tiết 1 – 2, SHS, tr.120 – 121)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1.a. Biết trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Trung thu* (*trăng tròn, trung thu, ông sao, tung bồng,...*).

1.b. Quan sát tranh khởi động, biết trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi chứa vần *ang, ăng, âng* (*cá vàng, trăng, măng,...*).

2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm và chữ của vần *ang, ăng, âng*. Đánh vần và ghép tiếng chứa vần có bán âm cuối “ng”; hiểu nghĩa các từ đó.

3. Viết được các vần *ang, ăng, âng* và các tiếng, từ ngữ có các vần *ang, ăng, âng*.

4. Đánh vần thầm, đọc trơn và hiểu nghĩa của các từ mở rộng; đọc được đoạn ứng dụng và hiểu nghĩa của đoạn ứng dụng mức độ đơn giản.

5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học có nội dung liên quan với bài học.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV
- Thẻ từ các vần *ang, ăng, âng*.
- Một số tranh ảnh minh họa, bài hát về trung thu, VD: Bài hát *Hội trăng rằm* hoặc bài thơ *Trăng sáng* có cài đặt thêm các từ ngữ có tiếng chứa vần *ang, ăng, âng* liên quan chủ đề *Trung thu* (*Sân nhà em sáng quá/ Nhờ ánh trăng sáng ngời/ Trăng tròn như quả bóng/ Bạn nào đá lên trời, ...*) ghi lên bảng phụ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có cài đặt *ang, ăng, âng* liên quan đến chủ đề *Trung thu*).
- Một vài HS đọc, viết từ ngữ; nói câu có tiếng chứa vần *an, ă, ân; en, ên, in; on, ôn; on, un*; HS trả lời câu hỏi về tên truyện, nhân vật trong truyện *Bạn mới của khi con*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 120.
- HS lắng nghe GV giới thiệu tên chủ đề, quan sát chữ ghi tên chủ đề; HS có thể tìm đọc âm chữ đã học có trong tên chủ đề.
- HS trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề gợi ra, nêu được một số từ khóa sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề *Trung thu* (*trăng, vàng, đèn lồng, ...*).
- HS quan sát tranh và nói về các sự vật, hoạt động, trạng thái trong tranh. (“Tranh vẽ những ai?”, “Họ đang làm gì, ở đâu?” (*đang rước đèn, trăng vàng, vàng trăng, búp măng, chị Hằng, ...*),...).
- HS nêu các tiếng có *ang, ăng, âng* đã tìm được (*vàng, măng, trăng, Hằng, vàng*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *ang, ăng, âng*).
- HS phát hiện ra các vần *ang, ăng, âng*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài và quan sát chữ ghi tên bài (*ang ăng âng*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *ang*

- HS quan sát, phân tích vần *ang* (âm *a* đứng trước, âm *ng* đứng sau).
- HS đánh vần vần *ang*: *a-ngờ-ang*.

b. Nhận diện vần **ăng** (tương tự như với vần *ang*)

c. Nhận diện vần **âng** (tương tự như với vần *ang*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần **ang, ăng, âng**

– HS so sánh vần *ang, ăng, âng*.

– HS nêu điểm giống nhau giữa vần *ang, ăng, âng* (đều có âm *ng* đứng cuối vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “ng”.

– HS phân tích tiếng đại diện – *vàng* (gồm âm *v*, vần *ang* và thanh huyền).

– HS đánh vần tiếng theo mô hình: *vờ-ang-vang-huyền-vàng*.

– HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *mãng* (*mờ-ăng-mãng*), *vằng* (*vờ-âng-vằng-huyền-vằng*).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá cá vàng

– HS phát hiện từ khoá *cá vàng*, vần *ang* trong tiếng khoá *vàng* của từ khoá *cá vàng*.

– HS đánh vần tiếng khoá *vàng*: *vờ-ang-vang-huyền-vàng*.

– HS đọc trơn từ khoá *cá vàng*.

4.2. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá măng tre (tương tự như với từ khoá cá vàng)

4.3. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá nhà tầng (tương tự như với từ khoá cá vàng)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần **ang** và từ **vàng**

a1. Viết vần **ang**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *ang* (vần *ang* gồm chữ *a* và chữ *ng*, chữ *a* đứng trước, chữ *ng* đứng sau).

– HS viết vần *ang* vào bảng con.

– HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết từ **vàng**

– HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *vàng* (chữ *v* đứng trước, vần *ang* đứng sau, thanh huyền đặt trên chữ *a*).

- HS viết từ *vàng* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần *ăng* và từ *măng* (tương tự viết *ang*, *vàng*)

c. Viết vần *âng* và từ *tâng* (tương tự viết *ang*, *vàng*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *ang*, *vàng*, *ăng*, *măng*, *âng*, *tâng* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và bước đầu đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *ang*, *ăng*, *âng* (*lá bàng*, *măng cụt*, *vàng trắng*, *sao vàng*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng.
- HS tìm thêm các từ có chứa *ang*, *ăng*, *âng* (*sáng*, *năng*, *vâng* (lời),...).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần nhỏ tiếng có âm, vần khó (do cấu tạo, do vần mới hoặc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *trăng*, *náo nức*, *sang*, *vàng*,...) và đọc thành tiếng bài đọc.
- HS tìm hiểu nội dung bài (“*Trời sang thu nghĩa là gì ?*”, “*Mọi người náo nức đón chờ điều gì?*”,...).

7. Hoạt động mở rộng

- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (“*Tranh vẽ những ai? Đang làm gì?*”).
 - HS xác định yêu cầu của HĐMR: múa hát, đọc thơ về trung thu.
 - HS đọc thơ, hát, múa bài hát về trung thu (trong nhóm, trước lớp).
- (GV có thể tổ chức cho HS thi gọi tên nhanh các hoạt động (*mang*, *quả*, *nâng*...)).
Hoặc chơi trò chơi kèm đọc/ hát/ nói dạng đồng dao có xuất hiện nhiều tiếng có vần *ang*, *ăng*, *âng*.)

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *ang, ăng, âng*.
- HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *ong, ông*).

BÀI 2: ONG ÔNG (TIẾT 3 – 4, SHS, tr.122 – 123)

I. MỤC TIÊU

(Trương tự bài 1: thay *ang, ăng, âng* bằng *ong, ông*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Trương tự bài 1: thay *ang, ăng, âng* bằng *ong, ông*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội dung liên qua đến chủ đề *Trung thu*).
- Một số HS đọc, viết, tìm tiếng chứa vần *ang, ăng, âng*; trả lời một vài câu hỏi về nội dung bài đọc ở vần *ang, ăng, âng*.

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 122.
- HS quan sát tranh, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *ong, ông* (*bông hồng, quả hồng, con ong, chong chóng, lắc vòng*).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*chong chóng, vòng, bông hồng*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *ong, ông*).
- HS phát hiện ra các vần *ong, ông*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*ong ông*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *ong*

- HS quan sát, phân tích vần *ong* (âm *o* đứng trước, âm *ng* đứng sau).
- HS đánh vần vần *ong*: *o-ngờ-ong*.

b. Nhận diện vần *ông* (trương tự như với vần *ong*)

c. *Tìm điểm giống nhau giữa các vần ong, ông*

- HS so sánh vần ong, ông.
- HS nêu điểm giống nhau giữa vần ong, ông (đều có âm ng đứng cuối vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “ng”.
- HS phân tích tiếng đại diện – chóng (gồm âm ch, vần ong và thanh sắc).
- HS đánh vần tiếng theo mô hình: chờ-ong-chong-sắc-chóng.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: hồng (hờ-ông-hông-huyền-hồng).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá chong chóng

- HS phát hiện từ khoá chong chóng, vần ong trong tiếng khoá chóng.
- HS đánh vần tiếng khoá chóng: chờ-ong-chong-sắc-chóng.
- HS đọc trơn từ khoá chong chóng.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá đèn lồng (tương tự như với từ khoá chong chóng)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. *Viết vần ong và từ chong chóng*

a1. *Viết vần ong*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần ong (vần ong gồm chữ o và chữ ng, chữ o đứng trước, chữ ng đứng sau).

(Các bước tiếp theo giống như viết vần ang.)

a2. *Viết từ chong chóng*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ chóng (chữ ch đứng trước, vần ong đứng sau, dấu sắc đặt trên chữ o).

(Các bước tiếp theo giống như viết từ vàng.)

b. *Viết vần ông và từ đèn lồng (tương tự viết ong, chong chóng)*

5.2. *Viết vào vở tập viết*

- HS viết ong, chong chóng, ông, đèn lồng vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

– HS đánh vần thầm và bước đầu đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *ong*, *ông* (có thể yêu cầu HS chỉ tiếng chứa vần *ong*, *ông*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng (qua việc quan sát tranh minh họa trong SHS hoặc qua ảnh hoặc vật thật; có thể cho HS nói câu với một, hai từ mở rộng tương tự với *ong*, *ông*).

– HS tìm thêm các từ có chứa *ong*, *ông* (*mong*, *nong*, *xong*, *xông*, *đông*).

6.2. Đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc ứng dụng

– HS lắng nghe GV đọc mẫu, tìm tiếng chứa vần *ong*, *ông* có trong bài đọc.

– HS đánh vần nhỏ chữ có âm vần khó (do cấu tạo, do vần mới hoặc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *bảy*, *treo*, *mặt nạ*, *con công*, *rục rở*, ...) và đọc thành tiếng văn bản (Lưu ý: hướng dẫn HS đánh vần thầm rồi đọc to thành tiếng).

– HS tìm hiểu nội dung của đoạn, bài (“Những đồ chơi nào được bày bán?”, “Đồ chơi này được bày bán ở đâu?”).

7. Hoạt động mở rộng

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (Tranh vẽ những ai? Đang làm gì?, Đọc câu trong bóng nói.).

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: múa hát, đọc thơ về trung thu (ưu tiên bài có cụm từ *Đèn ông sao* hoặc đọc đồng dao bài *Ông giăng ông giăng*).

– HS đọc thơ, đồng dao, hát, múa bài hát về trung thu (trong nhóm, trước lớp).

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *ong*, *ông*.

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *ung*, *ung*).

BÀI 3: UNG ƯNG (tiết 5 – 6. SHS, tr.124 – 125)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *ang, ăng, âng* bằng *ung, ưng*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *ang, ăng, âng* bằng *ung, ưng*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– Ôn các âm, chữ vừa học (GV có thể tổ chức các dạng trò chơi hoặc câu hỏi nhằm giúp HS đọc và viết một số từ có chứa *ong, ông*).

– HS tham gia trò chơi hoặc một hoạt động giải trí (ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động có chứa âm vần được học và liên quan với nội dung bài học).

2. Khởi động

– HS mở SHS, trang 124.

– HS quan sát tranh, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *ung, ưng* (*khủng long, sừng trâu, mùa xuân, đánh trống tùng tùng, đứng, vui mừng,...*).

– HS nêu các tiếng đã tìm được (*khủng, tùng tùng, sừng, đứng, mừng*).

– HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *ung, ưng*).

– HS phát hiện ra các vần *ung, ưng*.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*ung ưng*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *ung*

– HS quan sát, phân tích vần *ung*.

– HS đánh vần vần *ung*: *u-ngờ-ung*.

b. Nhận diện vần *ưng* (tương tự như với vần *ung*)

c. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *ung, ưng*

– HS so sánh vần *ung, ưng* (và các vần đã học ở bài 1, 2).

– HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *ng* đứng cuối vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “ng”.
- HS quan sát mô hình tiếng đại diện: tiếng *khủng*.
- HS phân tích tiếng đại diện: *khủng* (gồm âm *kh*, vần *ung* và thanh hỏi).
- HS đánh vần tiếng đại diện *khủng*: *khờ-ung-khung-hỏi-khủng*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác, VD: *sùng* (*sờ-ung-sung-huyền-sùng*).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *khủng long*

- HS phát hiện từ khoá *khủng long*, vần *ung* trong tiếng khoá *khủng*.
- HS đánh vần tiếng khoá *khủng*: *khờ-ung-khung-hỏi-khủng*.
- HS đọc trơn từ khoá *khủng long*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *mút gừng* (tương tự với từ khoá *khủng long*)

- HS so sánh *ung* và *ung*.

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *ung* và từ *khủng long*

a1. Viết vần *ung*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *ung* (vần *ung* gồm chữ *u* và chữ *ng*, chữ *u* đứng trước, chữ *ng* đứng sau).
- HS viết vần *ung* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết từ *khủng long*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *khủng* (chữ *kh* đứng trước, vần *ung* đứng sau, dấu hỏi đặt trên chữ *u*).
- HS viết từ *khủng long* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần *ung* và từ *mút gừng* (tương tự viết *ung*, *khủng long*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *ung*, *khủng long*, *ung*, *mút gừng* vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng

– HS đánh vần các tiếng chứa vần *ung, ung* và bước đầu đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *ung, ung* (có thể yêu cầu HS chỉ từ chứa vần *ung, ung*).

– HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng (qua việc quan sát tranh minh họa trong SHS hoặc qua ảnh hoặc vật thật; có thể cho HS nói câu với một, hai từ mở rộng).

– HS tìm thêm các từ có chứa *ung, ung* bằng việc quan sát các vật việc xung quanh theo nguyên tắc từ gần đến xa, VD: *trung bình, hứng thú, ...*; bằng việc quan sát môi trường chữ viết xung quanh, VD: ở bảng tên của em, của bạn; ở bảng Nội quy lớp học, ...).

6.2. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung của bài đọc

– HS lắng nghe GV đọc mẫu, tìm tiếng chứa vần mới học có trong bài đọc.

– HS đánh vần nhỏ chữ có âm vần khó (do cấu tạo, do vần mới hoặc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *dẫn, mua, mãi mê, ...*) và đọc thành tiếng văn bản.

– HS tìm hiểu nội dung của bài học (HS trả lời các câu hỏi, VD: “Tết Trung thu, ba mua gì cho bé?”, “Bé mãi mê nhìn những gì?”, ...).

7. Hoạt động mở rộng

– HS đọc câu lệnh *Tết trung thu có những gì?*

– HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (“Tranh vẽ những ai? Đang làm gì?”)

– HS xác định yêu cầu của HĐMR: hỏi đáp với bạn về trung thu (GV có thể hướng dẫn thêm: kể tên các vật, việc thường thấy vào dịp tết Trung thu, thích việc, vật nào, vì sao).

– HS hỏi đáp với bạn về trung thu (trong nhóm, trước lớp).

8. Củng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *ung, ung*.

– Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (lưu ý hướng dẫn cách tìm bài có liên quan chủ đề của tuần).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *ach, êch, ich*).

BÀI 4: ACH ÊCH ICH (tiết 7 – 8. SHS, tr.126 – 127)

I. MỤC TIÊU

(Tương tự bài 1: thay *ang, ăng, âng* bằng *ach, êch, ich*)

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

(Tương tự bài 1: thay *ang, ăng, âng* bằng *ach, êch, ich*)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- Một vài HS đọc, viết từ ngữ; nói câu có tiếng chứa vần *ung, ung*.
- HS tham gia trò chơi (có thể thực hiện hoặc không).

2. Khởi động

- HS mở SHS, trang 126.
- HS quan sát tranh, trao đổi và nói ra những từ chứa tiếng có vần *ach, êch, ich* (vui thích, quyển sách, xách đèn, trống êch, mũi hếch, mắt xếch, tinh nghịch, xanh màu ngọc bích,...).
- HS nêu các tiếng đã tìm được (*sách, xách; êch, hếch; thích, bích, nghịch*).
- HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được (có chứa *ach, êch, ich*).
- HS phát hiện ra các vần *ach, êch, ich*.
- HS lắng nghe GV giới thiệu bài mới và quan sát chữ ghi tên bài (*ach êch ich*).

3. Nhận diện vần, tiếng có vần mới

3.1. Nhận diện vần mới

a. Nhận diện vần *ach*

- HS quan sát, phân tích vần *ach*.
- HS đánh vần vần *ach*: *a-chờ-ach*.

b. Nhận diện vần *êch* (tương tự như với vần *ach*)

c. Nhận diện vần *ich* (tương tự như với vần *ach*)

d. Tìm điểm giống nhau giữa các vần *ach, êch, ich*

- HS so sánh vần *ach, êch, ich*.
- HS nêu điểm giống nhau (đều có âm *ch* đứng cuối vần).

3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

- HS quan sát mô hình tiếng có vần kết thúc bằng “ch”.
- HS quan sát mô hình tiếng đại diện: *sách*.
- HS phân tích tiếng đại diện *sách* (gồm âm *s*, vần *ach* và thanh sắc).
- HS đánh vần tiếng đại diện *sách*: *sờ-ach-sách-sắc-sách*.
- HS đánh vần thêm tiếng khác: VD: *thích* (*thờ-ich-thích-sắc-thích*), *xếch* (*xờ-êch-xêch-sắc-xếch*).

4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

4.1. Đánh vần và đọc trơn từ khoá bìa sách

- HS phát hiện từ khoá *bìa sách*, vần *ach* trong tiếng khoá *sách*.
- HS đánh vần tiếng khoá *sách*: *sờ-ách-sách-sắc-sách*.
- HS đọc trơn từ khoá *bìa sách*.

4.2. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *trống êch* (tương tự với từ khoá bìa sách)

4.3. Đánh vần và đọc trơn từ khoá *tờ lịch* (tương tự với từ khoá bìa sách)

5. Tập viết

5.1. Viết vào bảng con

a. Viết vần *ach* và từ *sách*

a1. Viết vần *ach*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của vần *ach* (vần *ach* gồm chữ *a* và chữ *ch*, chữ *a* đứng trước, chữ *ch* đứng sau).
- HS viết vần *ach* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn, sửa lỗi nếu có.

a2. Viết từ *sách*

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ *sách* (chữ *s* đứng trước, vần *ach* đứng sau, dấu ghi thanh sắc đặt trên chữ *a*).
- HS viết từ *sách* vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.

b. Viết vần *êch* và từ *trống êch* (tương tự viết *ach*, *sách*)

c. Viết vần *ich* và từ *lịch* (tương tự viết *ach*, *sách*)

5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết *ach*, *sách*, *êch*, *trống êch*, *ich*, *lịch* vào VTV.

- HS nhận xét bài viết của mình, của bạn, sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

TIẾT 2

6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

6.1. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng

- HS đánh vần các tiếng chứa vần *ach, êch, ich* và bước đầu đọc trơn các từ mở rộng chứa vần *ach, êch, ich* (có thể yêu cầu HS chỉ từ chứa vần *ach, êch, ich*).
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng (qua việc quan sát tranh minh họa trong SHS và hoặc qua ảnh hoặc vật thật; có thể cho HS nói câu với một, hai từ mở rộng tương tự).
- HS tìm thêm các từ có chứa *ach, êch, ich* bằng việc quan sát các vật việc xung quanh, VD: *khách, lệch, thích, ...*

6.2. Nhận diện, đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung của bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu, tìm tiếng chứa vần *ach, êch, ich* có trong bài đọc.
- HS đánh vần chữ có âm vần khó (do cấu tạo, do vần mới hoặc do ảnh hưởng phương ngữ, VD: *cổ, bày, phá...*) và đọc thành tiếng văn bản.
- HS tìm hiểu nội dung của đoạn, bài (HS trả lời các câu hỏi, VD: “Tết Trung thu, bé cùng mẹ làm gì?”, “Mẹ bày ra bàn những vật gì?”, “Bé chuẩn bị cái gì để phá cỗ?”).

7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh *Đọc bìa sách*.
- HS quan sát tranh, phát hiện được nội dung tranh (“Tranh vẽ những gì? Hãy đọc các chữ trên bìa sách.”).
- HS xác định yêu cầu HĐMR: chia sẻ với bạn về mẫu chuyện, bài thơ, cuốn sách có nội dung liên quan đến trung thu mà em đã đọc hoặc đã thấy (GV gợi ý HS có thể kể tên bài hướng dẫn làm bánh, làm đèn ông sao, bài giới thiệu về một sự kiện có liên quan tới trung thu,...)
- HS chia sẻ với bạn về mẫu chuyện, bài thơ, cuốn sách, bài hướng dẫn, giới thiệu có nội dung liên quan đến trung thu (trong nhóm, trước lớp).

8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có *ach, êch, ich*.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; đọc mở rộng (lưu ý hướng dẫn cách tìm bài có liên quan chủ đề của tuần).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Thực hành*).

THỰC HÀNH (TIẾT 9)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các vần *ang, ăng, âng, ong, ông, ung, ung, ach, êch, ich*.
2. Nhận diện đúng vần được học trong tiếng, từ.
3. Đánh vần tiếng có vần mới, tập đọc nhanh tiếng có vần đã học, gia tăng tốc độ đọc trơn câu, đoạn, bài đọc ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh họa đã cho.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SHS, SGK.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động liên quan đến chủ đề *Trung thu*).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần đã học ở bài 4.

2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

2.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS lắng nghe GV đọc và tìm các tiếng có vần mới học có trong bài *Ông trăng ông trăng* (VBT, tập một, tr.40), đánh vần các tiếng đó (GV hướng dẫn HS đánh vần theo các mức độ phát triển kỹ năng đánh vần.).
- HS đọc trơn tiếng/ từ chứa vần mới được học trong tuần.

2.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài *Ông trăng ông trăng*.
- HS tìm hiểu nội dung bài đọc (tên bài đọc là gì, nêu tên ba đồ vật được nhắc đến trong bài.).

3. Luyện tập thực hành các âm vần mới

- HS quan sát các kí hiệu dùng trong VBT.

– HS làm bài tập, nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần được học trong tuần (Tuỳ tình hình HS và thời gian của tiết học, GV có thể lựa chọn các bài tập trong VBT hoặc tự thiết kế bài tập cho HS.).

– HS rà soát, sửa lỗi nếu có.

4. Cùng cố, dặn dò

– HS nhận diện lại tiếng, từ ngữ có vần mà HS thường mắc lỗi khi đọc viết (Chú ý các trường hợp dễ nhầm lẫn như *an – ang, ăn – ăng, ân – âng, un – ung, ac – ach*).

– HS nắm được nội dung đọc, viết ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học một buổi).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Bài *Ôn tập và kể chuyện*).

BÀI 5: ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN (SHS, tr.128 – 129)

A. ÔN TẬP (tiết 10 – 11)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Nhận diện được các vần *ang, ăng, âng; ong, ông; ung, ung, ach, êch, ich*.
2. Sử dụng được các vần đã học trong tuần để ghép tiếng mới.
3. Đánh vần tiếng có vần được học trong tuần, đọc trơn bài đọc.
4. Thực hiện đúng các bài tập chính tả.
5. Viết đúng cụm từ ứng dụng.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

– SHS, SGK, VBT, VTV.

– Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).

– Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc (nếu có).

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi (GV có thể sử dụng trò chơi có cài đặt một số từ ngữ có vần được học và có liên quan đến chủ đề).

– HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có từ ngữ chứa tiếng có vần mới được học ở bài 4.

2. Ôn tập các vần được học trong tuần

- HS mở SHS, trang 128.
- HS nghe GV giới thiệu bài ôn tập.
- HS quan sát tranh, trao đổi và nhắc lại các vần đã được học trong tuần (Gợi ý: có thể tổ chức dưới dạng trò chơi học tập, như dán thẻ từ trên bảng, hoặc khoanh tròn các chữ trong một bảng chữ theo kiểu giải ô chữ đã được chuẩn bị trước; HS yếu, GV cho nhìn tranh minh họa và đọc lại danh sách vần).
- HS tìm từ ngữ có tiếng chứa vần *ang, ăng, âng; ong, ông; ung, ung, ach, êch, ich* (Gợi ý: GV có thể tổ chức dưới dạng trò chơi “Tiếp sức cho bạn”, hoặc trò chơi “Chuyền bóng” trong nhóm, giữa các nhóm).
- HS nói câu có từ ngữ có tiếng chứa vần vừa được học trong tuần (Gợi ý: GV có thể tổ chức nói trong nhóm nhỏ, sau đó cho một vài nhóm nói trước lớp.).

3. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

3.1. Luyện tập đánh vần, đọc trơn từ ngữ

- HS nghe GV đọc bài *Vui Trung thu*.
- HS đánh vần và đọc trơn các tiếng có vần được học trong tuần (*trống, từng, vàng, ong, ...*).

3.2. Luyện tập đọc trơn và tìm hiểu nội dung bài đọc

- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc thành tiếng bài đọc *Vui Trung thu*.
- HS tìm hiểu về bài đọc (“Bài thơ nhắc đến những loại đèn Trung thu nào?”).

TIẾT 2

4. Tập viết và chính tả

4.1. Tập viết cụm từ ứng dụng

- HS đánh vần các từ có trong cụm từ ứng dụng *thích đèn ông sao* (GV nhắc HS chú ý các chữ có vấn đề về chính tả, VD: *thích, đèn, sao*)
- HS tìm từ có chứa vần đã học trong tuần (*thích, ông*).
- HS quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của tiếng trong cụm từ (GV nhắc HS chú ý quan sát các điểm đặt bút, điểm kết thúc; việc viết nối các chữ cái trong một tiếng, khoảng cách giữa các tiếng trong từ.).
- HS viết cụm từ ứng dụng vào vở.

4.2. Bài tập chính tả

(Ngoài bài tập trong VBT, GV tự biên soạn tùy theo thực tế của lớp.)

- HS tìm hiểu yêu cầu của bài tập; làm các bài tập chính tả ở VBT.
- HS kiểm tra bài tập chính tả, tự đánh giá (theo hướng dẫn của GV).
- HS rà soát và sửa lỗi nếu có.
- HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài làm của mình.

5. Hoạt động mở rộng

- HS luyện nói về chủ đề *Trung thu* (GV chủ động thiết kế nội dung này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ và phát triển lời nói về chủ đề.).
- HS tham gia hát/ đọc đồng dao, đọc thơ kết hợp vận động,...

6. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng/ từ chứa vần vừa được ôn tập, nhắc lại mô hình vần được học.
- Hướng dẫn HS đọc, viết thêm ở nhà, ở giờ tự học; hướng dẫn HS đọc mở rộng.
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Kể chuyện *Sự tích đèn Trung thu*).

B. KỂ CHUYỆN (tiết 12)

I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Phán đoán nội dung câu chuyện dựa vào tên truyện *Sự tích đèn trung thu*, tên chủ đề *Trung thu* và tranh minh họa.
2. Kể từng đoạn của câu chuyện dựa vào tranh minh họa và câu hỏi dưới tranh.
3. Trả lời câu hỏi về nội dung bài học và liên hệ bài học trong câu chuyện với bản thân.
4. Sử dụng âm lượng, ánh mắt, giọng nói phù hợp với từng đoạn của câu chuyện khi kể.
5. Bày tỏ cảm xúc của bản thân với từng nhân vật trong câu chuyện.
6. Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, biết yêu thương, giúp đỡ, yêu quý bạn bè.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, SGK.
- Tranh minh họa truyện phóng to (nếu có).

Nội dung truyện

Sự tích đèn Trung thu

1. Ngày xưa, ở làng nọ có một cậu bé tên là Cuội.

Trong một lần chăn trâu, thấy bạn bị đuối nước, Cuội lao xuống, cứu được bạn. Nhưng dòng nước xoáy đã mang Cuội đi. Mọi người vô cùng thương tiếc Cuội.

2. Vào một đêm trăng sáng, các bạn của Cuội ngồi bên dòng sông bỗng nhìn thấy bóng Cuội in trên mặt nước. Chúng nhìn lên trời và nhận ra Cuội đang ngồi dưới gốc đa trên mặt trăng.

3. Các bạn nhỏ kiếm củi chất thành đống to rồi đốt, lửa sáng rực. Chúng đồng thanh gọi Cuội. Nhưng Cuội chẳng nhìn về phía chúng. Nhiều bạn khóc nức nở. Bỗng cô tiên hiện ra, nghe kể, cô rất cảm động và hứa sẽ giúp để Cuội nhìn thấy các bạn vào đêm rằm tháng tám.

4. Theo lời cô tiên dặn, các bạn nhỏ làm đèn lồng hình ngôi sao, hình con cá, hình chú thỏ,... Đến ngày hẹn, chúng thắp đèn lồng, đánh trống, múa sư tử. Từ cung trăng, Cuội nhìn xuống và nhận ra bạn bè, quê nhà.

Từ đó, cứ đến Trung thu, các em lại làm đèn lồng và chơi rước đèn.

(Lê Châu kể theo *Sự tích rước đèn Trung thu*, phim hoạt hình, Hãng phim Hoạt hình Việt Nam, kịch bản: Giang Sơn, đạo diễn: Nhân Lập)

Câu hỏi:

1. Các bạn nhỏ đã làm gì để từ cung trăng, Cuội nhìn xuống và nhận ra bạn bè, quê nhà?
2. Câu chuyện cho em biết sự tích gì?

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS trả lời câu hỏi về truyện kể tuần trước.
- HS tham gia trò chơi hoặc một hoạt động giải trí (ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động có chứa âm vần được học và liên quan với nội dung bài học).

2. Luyện tập nghe và nói

- HS nghe GV giới thiệu nguyên tắc âm lượng trong khi kể chuyện ở nhóm nhỏ và trước cả lớp; HS vỗ tay theo các mức độ của âm lượng.
- HS nghe GV hướng dẫn về cách thức biểu cảm, cách thức sử dụng một vài từ ngữ chỉ trình tự, diễn biến của câu chuyện (dạng đơn giản nhất, như *đầu tiên, tiếp theo, cuối cùng*); HS đọc lại từ ngữ theo trật tự thời gian (Gợi ý: GV có thể tổ chức một trò chơi nhỏ nhằm giúp HS dễ hình dung).

– HS đánh vần và đọc trơn tên truyện *Sự tích đèn Trung thu*.

– Dựa vào tranh minh hoạ, dựa vào tên truyện, HS phán đoán và trao đổi về nội dung câu chuyện. (Câu hỏi gợi ý: “Trong các bức tranh nhân vật nào xuất hiện nhiều nhất?” (*chú Cuội*), “Câu chuyện diễn ra ở đâu?” (*một làng quê*), “Chuyện gì xảy ra với nhân vật Cuội?” (*cứu người bị đuối nước*), “Hằng năm, các bạn làm lồng đèn để làm gì? (để *Cuội nhận ra các bạn*).

– HS nghe giới thiệu bài mới (GV có thể vừa dùng tên truyện vừa dùng tranh minh hoạ để giới thiệu).

3. Luyện tập nghe kể chuyện và kể chuyện

– HS nghe GV kể mẫu lần một toàn bộ câu chuyện và liên hệ nội dung câu chuyện với những phán đoán lúc trước của mình.

– HS nghe kể lần hai theo từng đoạn và quan sát tranh minh hoạ theo đúng trật tự diễn biến của câu chuyện (GV lưu ý sử dụng câu hỏi dưới mỗi bức tranh để giúp HS ghi nhớ nội dung từng đoạn truyện. Khi kể, GV có thể sử dụng các từ ngữ chỉ thời gian.).

– HS kể từng đoạn của câu chuyện với bạn trong nhóm nhỏ, trước lớp.

– HS nhận xét, đánh giá về các nhân vật và nội dung câu chuyện. (“Có mấy nhân vật?” (*Cuội và các bạn*), “Các bạn nhìn thấy Cuội ở đâu? (*Ngồi dưới gốc đa trên mặt trăng*), “Nhờ đâu Cuội có thể nhận ra các bạn?” (*Nhờ thắp lồng đèn, múa sư tử*), “Qua câu chuyện, em biết thêm điều gì mặt trăng và chú Cuội?”; “Em thích nhân vật nào? Vì sao?”.

4. Củng cố, dặn dò

– HS nhắc lại tên truyện *Sự tích đèn Trung thu*, nhân vật HS yêu thích, lí do yêu thích.

– HS biết đọc, nghe kể thêm truyện ở nhà (Gợi ý: GV hướng dẫn HS đọc mở rộng (tên sách, tên truyện, trang đọc mở rộng).

– HS biết chuẩn bị cho tiết học sau (Chủ đề *Thăm quê*).